

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20 – 5 – 2021.

“V/v Không công nhận là vợ chồng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Hành.

2/ Bà Thạch Thị Sà Phải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Qual – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Kiến Thức, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 31/2021/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2021 về việc “Không công nhận là vợ chồng”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim H sinh năm 1973 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh S.

- *Bị đơn:* Ông Hứa Văn P, sinh năm 1965 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kim H với ông Hứa Văn P kết hôn với nhau vào năm 2008 (Không đăng ký kết hôn).

Thời gian đầu hai người sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống thường xuyên cãi vã. Hai người ly thân từ đó cho đến nay.

Thời gian chung sống ông bà có một con chung tên Nguyễn Thị Như X, sinh ngày 09/4/2010. Hiện con đang sống cùng bà H.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Nay bà Nguyễn Thị Kim H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Hứa Văn P.
 - Về con chung: Được quyền trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thị Như Ý, sinh ngày 09/4/2010. Không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con.
 - Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
 - Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Ông Hứa Văn P không có lời trình bày do vắng mặt.*

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 31/TB-TLVA ngày 27 tháng 01 năm 2021, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông Hứa Văn P nhưng ông P không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với ông P để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về con chung, tài sản chung và nợ chung nhưng ông P đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã lập biên bản về việc vắng mặt ông P, không tiến hành hòa giải được và ông P cũng không có lời khai trong hồ sơ vụ án. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận mối quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Kim H với ông Hứa Văn P là vợ chồng. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Như X, sinh ngày 09/4/2010 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông P không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay ông Hứa Văn P và bà Nguyễn Thị Kim H đều vắng mặt nhưng nguyên đơn bà H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt còn ông P thì vắng mặt lần thứ 2 không rõ lý do. Do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà H và ông P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét về quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim H với ông Hứa Văn P thấy rằng: Bà H với ông P chung sống với nhau từ năm 2008 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: “*nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng.*”. Tại điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000 của kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa X Nước Cộng hòa xã hội chủ

nghĩa Việt Nam hướng dẫn về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 quy định: “*Nam và nữ sống chung với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng*”. Như vậy đối chiếu theo các quy định của pháp luật thì mối quan hệ giữa bà H với ông P không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng. Do đó yêu cầu ly hôn của bà H đương nhiên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Như X, sinh ngày 09/4/2010 đang sống cùng bà H. Về nguyên tắc việc trông nom, chăm sóc con chung là nghĩa vụ của cha mẹ. Bà H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, xét thấy bà H có đủ điều kiện nuôi con và cháu X cũng có nguyện vọng sống với mẹ do đó yêu cầu này phù hợp với quy định tại Điều 92 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Sau khi ly hôn, ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Ông P lạm dụng thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông P. Được quy định tại Điều 94 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu nên ông P không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà H yêu cầu nên bà H phải chịu theo luật định.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 11; Điều 92 và Điều 94 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000 của kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa X Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hướng dẫn về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Kim H với ông Hứa Văn P.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Như X, sinh ngày 09/4/2010 cho bà Nguyễn Thị Kim H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Hứa

Văn P không phải cấp dưỡng cho con. Sau khi ly hôn, ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Ông P lạm dụng thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông P.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0005887 ngày 27/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S. Như vậy bà H đã nộp xong án phí.

Án sơ thẩm được xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
- Các đương sự.
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hoàng